

# HOÀN THIÊN QUY ĐỊNH VỀ PHẠM VI BỒI THƯỜNG NHẪM TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÔNG DÂN

• ThS. Nguyễn Thị Hồng Vinh\*

**Tóm tắt:** Các trường hợp được Nhà nước bồi thường - hay phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước - là một trong những quy định quan trọng nhất của chế định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Quy định này thể hiện rõ nét nhất trách nhiệm của Nhà nước trước công dân như một cam kết về việc bảo đảm nguyên tắc hiến định về quyền được Nhà nước bồi thường. Trải qua hơn 25 năm kể từ khi có Bộ luật Dân sự năm 1995, từ những những quy định mang tính nguyên tắc về quyền được Nhà nước bồi thường, đến nay, phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đã ngày càng được mở rộng, vừa bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại vừa phù hợp, đồng bộ với các thể chế, thiết chế của đất nước nói chung cũng như hệ thống pháp luật nói riêng.

**Từ khóa:** Phạm vi bồi thường; bồi thường nhà nước; trách nhiệm của Nhà nước; các trường hợp được Nhà nước bồi thường.

**Abstract:** Cases that are compensated by the State - or the scope of the State's compensation liability - is one of the most important provisions of the legal institution with regard to the State's compensation liability. This regulation most clearly shows the responsibility of the State to its citizens as a commitment to ensure the constitutional principle of the right to be compensated by the State. Over 25 years since the Civil Code coming into force in 1995, from the principled provisions on the right to be compensated by the State, up to now, the scope of the State's compensation liability has been increasingly extended. It is not only a better guarantee of the legitimate rights and interests of the victims, but also consistent and synchronous with the country's institutions in general as well as the legal system in particular.

**Keywords:** Compensation scope; state compensation; responsibility of the State; cases of compensation by the State.

Ngày nhận: 18/8/2021      Ngày phản biện, đánh giá: 24/8/2021      Ngày duyệt: 15/9/2021

**1. Khái quát chung về phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**      Thuật ngữ phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN)

(\*) Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp. Email: vinhnth@moj.gov.vn.



lần đầu tiên được sử dụng là trong Luật TNBTCNN năm 2009 (trong các văn bản trước khi có Luật TNBTNN năm 2009 chỉ gọi là các trường hợp được bồi thường thiệt hại).

Phạm vi TNBTCNN có thể hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau. *Dưới góc độ các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước*, phạm vi TNBTCNN được hiểu là phạm vi các lĩnh vực hoạt động mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường. Ví dụ: Nhà nước chỉ chấp nhận bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng... mà không bồi thường đối với thiệt hại gây ra trong hoạt động lập pháp... hoặc Nhà nước chỉ bồi thường đối với thiệt hại gây ra bởi các hoạt động thuộc chức năng công quyền mà không bồi thường đối với thiệt hại gây ra bởi các hoạt động phi công quyền (như mua sắm Chính phủ, thiệt hại do tài sản của Nhà nước gây ra...). *Dưới góc độ xác định thiệt hại được bồi thường*, phạm vi TNBTCNN có thể được hiểu là các loại thiệt hại được Nhà nước bồi thường. Ví dụ: Nhà nước chỉ chấp nhận bồi thường đối với những thiệt hại như: thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút, tổn thất về tinh thần do bị tạm giam, tạm giữ trái pháp luật... mà không chấp nhận bồi thường đối với những thiệt hại của người thân của người bị oan, sai như con không được đi học, vợ bị ốm do chồng bị chấp hành hình phạt tù oan, sai... *Dưới góc độ giới hạn hay*

*không giới hạn các trường hợp được bồi thường trong từng lĩnh vực hoạt động của Nhà nước*, phạm vi TNBTCNN có thể được hiểu là giới hạn các trường hợp được bồi thường trong từng lĩnh vực cụ thể<sup>1</sup>.

Dưới góc độ luật thực định, phạm vi TNBTCNN được hiểu là các trường hợp cụ thể mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong các hoạt động công vụ. Đây là một trong các quy định quan trọng nhất của Luật TNBTCNN bởi nó thể hiện rõ nhất trách nhiệm của Nhà nước trước công dân. Quy định về phạm vi TNBTCNN càng cụ thể, dễ hiểu, dễ áp dụng và thống nhất thì càng thuận lợi cho người dân vì họ sẽ dễ dàng xác định được quyền của mình, đồng thời các cơ quan nhà nước cũng có cơ sở để thực hiện trách nhiệm giải quyết bồi thường của mình. Trong bài viết này, tác giả tiếp cận vấn đề phạm vi TNBTCNN theo cách hiểu là các trường hợp cụ thể mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong các hoạt động công vụ.

## **2. Phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước kể từ khi có Bộ luật Dân sự năm 1995 đến trước khi có Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009**

Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 - BLDS đầu tiên của Việt Nam -



là đạo luật đầu tiên cụ thể hóa quyền được bồi thường trong các bản Hiến pháp (từ Hiến pháp năm 1959 đến Hiến pháp năm 1992) thành quyền dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra (tại các Điều 623 và 624).

Tuy nhiên, chỉ với các quy định tại Hiến pháp và tại BLDS năm 1995 thì vẫn chưa đủ cơ sở pháp lý để người dân thực hiện quyền yêu cầu bồi thường của mình. Để thiết lập cơ chế pháp lý cụ thể, ngày 03/5/1997, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/CP về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra (Nghị định số 47/CP). Việc ban hành Nghị định số 47/CP là một bước tiến lớn trong việc hướng dẫn cụ thể và để triển khai thực hiện có hiệu quả Điều 623 và Điều 624 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Tuy nhiên, tại Nghị định số 47/CP cũng chỉ nhận diện trách nhiệm phải bồi thường của cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng đối với các thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước hoặc người có thẩm quyền gây ra trong khi thi hành công vụ (Điều 1) và quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng bồi thường của người bị thiệt hại (Điều 3) chứ không quy định rõ phạm vi, hay nói cách khác là những trường hợp nào thì được bồi thường. Điều đó dẫn đến việc thực hiện Nghị định số 47/CP gặp

không ít khó khăn và thực tiễn cho thấy, Nghị định 47/CP đã hầu như không phát huy tác dụng. Nghị định này chưa một lần được sử dụng để giải quyết đối với các trường hợp bị oan trong lĩnh vực tố tụng hình sự<sup>2</sup>.

Từ những hạn chế của Nghị định số 47/CP, ngày 17/3/2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra (Nghị quyết số 388). Nghị quyết số 388 đã xác định rõ hơn, cụ thể hơn các trường hợp được bồi thường (Điều 1) và trường hợp không được bồi thường (Điều 2), đồng thời quy định thân nhân của người bị oan hoặc đại diện hợp pháp của họ được thay mặt người bị oan tham gia quá trình giải quyết bồi thường với cơ quan nhà nước (khoản 5 Điều 3), thể hiện chủ trương đúng đắn của Nhà nước ta trong việc bồi thường thiệt hại cho người bị oan. Việc quy định cụ thể phạm vi TNBTCNN trong Nghị quyết số 388 đã đánh dấu một bước hoàn thiện hơn đối với các quy định của pháp luật về TNBTCNN, góp phần bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của người bị thiệt hại, khẳng định mạnh mẽ nguyên tắc của Hiến pháp năm 1992 về bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Sự ra đời của Nghị quyết số 388 cũng thể hiện bước đột phá trong việc Nhà nước nhận trách nhiệm về mình khi quyền



lợi của người dân bị xâm phạm bởi người tiến hành tố tụng<sup>3</sup>.

Tuy nhiên, quy định về phạm vi TNBTCNN tại Nghị quyết số 388 vẫn còn một số nội dung chưa cụ thể, chưa rõ ràng (ví dụ: Điều 1 chưa quy định thế nào là “*người không thực hiện hành vi vi phạm pháp luật*” hoặc “*người không thực hiện hành vi phạm tội*” dẫn đến nhận thức khác nhau khi xác định người bị oan được bồi thường thiệt hại). Mặt khác, các quy định về TNBTCNN giai đoạn này còn phân tán, quy định ở nhiều văn bản khác nhau, hình thức văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý thấp, chưa có quy định rõ ràng về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan... nên thực tiễn thi hành các văn bản này còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu bảo đảm quyền, lợi ích của người bị thiệt hại.

### **3. Phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009**

*a) Sự thay đổi trong quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước trong Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009*

Luật TNBTCNN được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 18/6/2009 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2010) trong bối cảnh thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt

Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, đặt ra yêu cầu về việc xây dựng và hoàn thiện chế độ bảo hộ của Nhà nước đối với các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, trong đó có quyền được bồi thường thiệt hại do cán bộ, công chức nhà nước gây ra khi thi hành công vụ; chế độ trách nhiệm của cơ quan nhà nước, nhất là của Toà án trong việc bảo vệ các quyền đó.

Tại Luật TNBTCNN năm 2009, phạm vi TNBTCNN được quy định phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội, khả năng của ngân sách nhà nước, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước của nước ta trong giai đoạn lúc bấy giờ; đồng thời, trong quá trình xây dựng Luật cũng đã tính toán, cân nhắc về phạm vi TNBTCNN để bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa mục tiêu bảo vệ lợi ích của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại, lợi ích của Nhà nước và đồng thời cũng phải bảo đảm sự hoạt động ổn định, có hiệu quả của các cơ quan công quyền, đặc biệt là giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước<sup>4</sup>. Do đó, bên cạnh việc kế thừa phần lớn các quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự tại Nghị quyết số 388, Luật cũng đã mở rộng thêm phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong một số hoạt động khác của Nhà nước.

Phạm vi TNBTCNN trong Luật TNBTCNN năm 2009 được quy định



trong các hoạt động: quản lý hành chính; tổ tụng (tổ tụng hình sự, tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính) và thi hành án (thi hành án hình sự và thi hành án dân sự). Cụ thể, Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra trong **11 trường hợp** trong hoạt động quản lý hành chính và 01 điều khoản dự liệu các trường hợp được bồi thường (Điều 13); **07 trường hợp** trong hoạt động tổ tụng hình sự (Điều 26); **04 trường hợp** trong hoạt động tổ tụng dân sự, tổ tụng hành chính (Điều 28); **08 trường hợp** trong hoạt động thi hành án dân sự (Điều 38) và **04 trường hợp** trong hoạt động thi hành án hình sự (Điều 39). Trong đó, đối với lĩnh vực quản lý hành chính, phạm vi TNBTCNN được Luật quy định trên cơ sở phù hợp với phạm vi khiếu nại, tố cáo trong Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 và phạm vi khởi kiện vụ án hành chính trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996. Đối với lĩnh vực tổ tụng, phạm vi TNBTCNN được quy định trên cơ sở phù hợp với các quy định liên quan đến trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004. Đối với lĩnh vực thi hành án, phạm vi TNBTCNN được quy định trên cơ sở phù hợp với các quy định

liên quan đến trách nhiệm của cơ quan thi hành án trong Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Pháp lệnh Thi hành án phạt tù năm 1993 và các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về thi hành án tử hình<sup>5</sup>.

Như vậy, so với Nghị quyết số 388, Luật TNBTCNN năm 2009 đã mở rộng hơn phạm vi TNBTCNN với việc xác định rõ lĩnh vực hoạt động mà Nhà nước có trách nhiệm bồi thường; đồng thời, trong từng lĩnh vực, Luật còn quy định liệt kê cụ thể từng trường hợp Nhà nước có trách nhiệm bồi thường. Điều này thể hiện sự rõ ràng trong chính sách bồi thường nhà nước, giúp cho việc xác định trách nhiệm bồi thường được dễ dàng và cũng bảo đảm được các mục tiêu của Luật. Thông qua đó, các cá nhân, cơ quan, tổ chức là người bị thiệt hại dễ dàng xác định được mình thuộc trường hợp nào để thực hiện thủ tục yêu cầu Nhà nước bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

*b) Một số hạn chế, bất cập trong quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009*

Bên cạnh những ưu điểm kể trên, quy định về phạm vi TNBTCNN của Luật TNBTCNN năm 2009 cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập. Chính phương pháp quy định mang tính liệt kê cũng dẫn đến Luật không bao quát được hết các quyền được bồi thường



quy định trong Hiến pháp và các đạo luật liên quan, những hành vi thi hành công vụ của tất cả các hoạt động nói chung cũng như của từng hoạt động nói riêng<sup>6</sup>. Do đó, có những trường hợp cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án nhưng không được bồi thường vì không thuộc các trường hợp Luật quy định. Chẳng hạn như: (1) trường hợp cấp sai văn bằng bảo hộ (trong hoạt động quản lý hành chính); (2) trường hợp người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trái pháp luật; (3) trường hợp pháp nhân thương mại bị khởi tố, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật (trong hoạt động tố tụng hình sự); (4) trường hợp không thực hiện quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Tòa án đối với người đang chấp hành hình phạt tù; không thực hiện quyết định của Tòa án có thẩm quyền về việc tha tù trước thời hạn đối với người bị kết án phạt tù (trong hoạt động thi hành án dân sự)...

Mặt khác, Luật TNBTCNN năm 2009 còn chứa đựng một số quy định về phạm vi bồi thường mang tính chất “mờ”, chưa rõ ràng, không cụ thể, như: quy định có tính dự liệu tại khoản 12 Điều 13; quy định mang tính “hành chính” tại khoản 5 và khoản 11 Điều 13... dẫn đến khó áp dụng trên thực tiễn. Đặc biệt, khi Hiến pháp năm 2013 ra đời với một

số quy định mới về quyền con người, quyền cơ bản của công dân và sự thay đổi của một số văn bản là căn cứ xây dựng Luật, nhiều quy định và một số thuật ngữ sử dụng trong Luật TNBTCNN năm 2009 đã không còn phù hợp, gây khó khăn trong thực tiễn thi hành. Yêu cầu đặt ra lúc này là phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật TNBTCNN năm 2009, trong đó có các quy định về phạm vi TNBTCNN để phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và đồng bộ với các bộ luật, luật mới được ban hành.

#### **4. Quy định về phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước được hoàn thiện theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017**

*a) Yêu cầu đặt ra đối với việc sửa đổi, bổ sung phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*

Hiến pháp năm 2013 ra đời đã có nhiều quy định mới theo hướng mở rộng hơn về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó khẳng định “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”<sup>7</sup>. Theo đó, các quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân chỉ bị hạn chế trong những trường hợp nhất định và phải được quy định trong văn bản luật. Triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013, một số đạo luật liên quan đến



phạm vi TNBTCNN đã có những thay đổi cơ bản nhằm bảo đảm phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013 nói chung và về quyền con người nói riêng, như: BLDS năm 2015; Bộ luật Hình sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam; Luật Xây dựng năm 2014; Luật Nhà ở năm 2014... Những thay đổi này đã tác động đến các quy định về phạm vi TNBTCNN trong Luật TNBTCNN năm 2009, dẫn đến Luật này tất yếu phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Vì vậy, ngày 20/6/2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật TNBTCNN năm 2017 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018), thay thế cho Luật TNBTCNN năm 2009 với những quy định mới được sửa đổi, bổ sung về phạm vi TNBTCNN. Luật có ý nghĩa hết sức quan trọng về mặt chính trị và pháp lý, đã hoàn thiện một bước về mặt thể chế điều chỉnh TNBTCNN, tiếp tục thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các đạo luật liên quan. Đồng thời, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước đối với việc củng cố, hoàn thiện hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, của nền công vụ,

cũng như trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân.

*b) Những sửa đổi, bổ sung về phạm vi trách nhiệm bồi thường nhà nước trong Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017*

Luật TNBTCNN năm 2017 đã quy định phạm vi TNBTCNN trong tất cả các hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên cơ sở bảo đảm tính khả thi và phù hợp với quan điểm xây dựng Luật là bảo đảm phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh phát triển của kinh tế - xã hội, tiến trình cải cách nền hành chính, công vụ và bảo đảm sự ổn định trong hoạt động của bộ máy nhà nước, hướng tới mục tiêu phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ làm phát sinh TNBTCNN<sup>8</sup>.

Trên cơ sở khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật TNBTCNN năm 2009, Luật TNBTCNN năm 2017 đã hoàn thiện hơn các quy định về phạm vi TNBTCNN đối với từng lĩnh vực cụ thể, như:

*Trong hoạt động quản lý hành chính*, Luật TNBTCNN năm 2017 đã bỏ quy định về “điều khoản dự phòng” tại khoản 12 Điều 13 của Luật TNCTCNN năm 2009, bổ sung 07 trường hợp được Nhà nước bồi thường tại các điểm, khoản: điểm b, điểm c khoản 3; điểm a khoản 5; khoản 6; khoản 7; khoản 9 và khoản 14 Điều 17. Việc bổ sung các trường hợp này nhằm phù hợp với quy định của Luật



Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Tố cáo năm 2011, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

*Trong hoạt động tố tụng hình sự,* Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung 02 trường hợp được bồi thường tại khoản 1 và khoản 9 Điều 18 nhằm phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Trong hoạt động tố tụng dân sự,* tố tụng hành chính, Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung 01 trường hợp (khoản 4 Điều 19) và sửa đổi 02 trường hợp (khoản 5 và khoản 6 Điều 19) nhằm phù hợp với quy định trong BLDS năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Trong hoạt động thi hành án hình sự và hoạt động thi hành án dân sự,* về cơ bản Luật TNBTCNN năm 2017 kế thừa các quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành về phạm vi TNBTCNN. Đồng thời, Luật quy định bổ sung 01 trường hợp người bị thiệt hại được bồi thường trong hoạt động thi hành án hình sự (điểm d khoản 3 Điều 20), sửa đổi quy định về phạm vi trong hoạt động thi hành án dân sự (Điều 21) nhằm phù hợp với Luật Thi hành án hình sự năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nhìn chung, các quy định về phạm vi TNBTCNN trong Luật năm

2017 (từ Điều 17 đến Điều 20) hầu hết đều kế thừa quy định của Luật TNBTCNN năm 2009, những nội dung được sửa đổi, bổ sung đều trên cơ sở rà soát, nghiên cứu chặt chẽ, bảo đảm sự phù hợp với các luật, bộ luật liên quan và thực tiễn hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp. Sự hoàn thiện các quy định về phạm vi TNBTCNN trong Luật TNBTCNN năm 2017 cho thấy Nhà nước ta ngày càng đề cao trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, đáp ứng được nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân được đặt ra trong Hiến pháp năm 2013.

Luật TNBTCNN năm 2017 sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi TNBTCNN đã mang lại những tác động tích cực và ý nghĩa to lớn không chỉ đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại, với Nhà nước mà còn tác động mạnh mẽ tới hoạt động của các cơ quan nhà nước các cấp<sup>9</sup>. Về phía người bị thiệt hại, quyền và lợi ích hợp pháp của họ được bảo đảm tốt hơn bởi những trường hợp mà trước đây chưa được Luật TNBTCNN năm 2009 quy định thì nay đã được bổ sung trong Luật TNBTCNN năm 2017. Về phía Nhà nước, quy định mới về phạm vi TNBTCNN đã bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đáp ứng nhu cầu triển khai các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân, góp phần củng cố hơn lòng tin của



người dân vào hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, việc mở rộng phạm vi TNBTCNN trong Luật TNBTCNN năm 2017 sẽ củng cố, nâng cao hơn trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước trong thực thi chức trách, công vụ; hạn chế, phòng ngừa việc để xảy ra sai phạm làm phát sinh TNBTCNN.

Có thể nói, kể từ khi có BLDS năm 1995 đến nay, TNBTCNN đã có sự phát triển và hoàn thiện đáng kể, được thể chế hóa qua nhiều văn bản quy phạm pháp luật qua các giai đoạn khác nhau, từ văn bản có hiệu lực pháp lý thấp (Nghị định, Nghị quyết) đến văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn (Luật). Cùng với tiến trình đó, các quy định về phạm vi TNBTCNN nói riêng đều được sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng hơn các trường hợp được bồi thường, thể hiện trách nhiệm lớn hơn của Nhà nước trước công dân, bảo đảm ngày càng tốt quyền con người, quyền công dân đã được đặt ra như “kim chỉ nam” trong Hiến pháp năm 2013 và sự thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan. ■

### Tài liệu trích dẫn

(1) Nguyễn Thị Tố Hằng (2014), *Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính*, Số chuyên đề “Thực tiễn thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”,

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Nxb Tư pháp, Hà Nội, trang 26-41, trang 26.

(2) Dương Đăng Huệ (2008), *Những nội dung cơ bản của Luật Bồi thường nhà nước*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số chuyên đề “Pháp luật bồi thường nhà nước”, Hà Nội, trang 07.

(3);(4) Cục Bồi thường nhà nước (2016), *Pháp luật về Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam và thực tiễn thi hành*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, trang 48;65.

(5) Nguyễn Thị Tố Hằng & Lê Thái Phương (2016), *Sửa đổi Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Hiến pháp năm 2013 và pháp luật hiện hành*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số chuyên đề “Dự án Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi)”, NXB Tư pháp, Hà Nội, trang 32-41, trang 33.

(6) Cục Bồi thường nhà nước (2016), *Pháp luật về Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam và thực tiễn thi hành*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, trang 145.

(7) Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

(8) Bộ Tư pháp, Tờ trình số 42/TTr-BTP ngày 15/7/2016 trình Chính phủ dự án Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi), trang 5; Chính phủ, Tờ trình số 290/TTr-CP ngày 01/9/2016 trình Quốc hội dự án Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi), trang 4; Chính phủ, Tờ trình số 336/TTr-CP ngày 23/9/2016 trình Quốc hội dự án Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sửa đổi), trang 4.

(9) Phạm Trường Hải (2018), *Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được mở rộng theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề “Triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017”, Hà Nội, trang 99-100.